

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC
THỰC PHẨM VĨNH LONG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	15 - 52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vinh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vinh Long được thành lập theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-DMDN ngày 01 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500170900 (số cũ là 5403000041) đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vinh Long cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vinh Long
Điện thoại : (070) 3.822.512
Fax : (070) 3.823.773
E_mail : vinhlongfood@hcm.vnn.vn
Website : www.vinhlongfood.com.vn
Mã số thuế : 1500170900

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Xí nghiệp Nông sản	Số 5/4A đường Phạm Hùng, phường 9, TP. Vinh Long, tỉnh Vinh Long
2. Cửa hàng kinh doanh gạo	Số 65 đường 2/9, phường 1, thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long
3. Xí nghiệp Phú Lộc	Tổ 1, ấp 3A, xã Phú Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vinh Long
4. Xí nghiệp Tam Bình	Số 18A, tổ 7, ấp Mỹ Phú 5, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vinh Long
5. Xí nghiệp Bao bì	Ấp Phước Long, xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vinh Long
6. Xí nghiệp Tân Thạnh	Số 242A/1 ấp Thới Khánh, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ
7. Xí nghiệp Mỹ Thới	Tổ 7 khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
8. Xí nghiệp An Bình	Số 89/2 Lộ Vòng Cung, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
9. Nhà máy thức ăn thủy sản Domyfeed	Khu C, khu công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
10. Văn phòng đại diện tại TP.HCM	Số 31 Nguyễn Kim, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn gạo;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày, dép;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo.
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh.

Công ty con:

- Tên công ty : Công ty TNHH lương thực Kiên Nông
- Địa chỉ: Tổ 5, ấp Su Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 VND
- Tỷ lệ sở hữu: 60%

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Chủ tịch	Ngày 20 tháng 4 năm 2015	-
Ông Nguyễn Thọ Trí	Chủ tịch	Ngày 11 tháng 4 năm 2012	Ngày 20 tháng 4 năm 2015
Ông Châu Hiếu Dũng	Thành viên	Ngày 31 tháng 10 năm 2014	-
Ông Cao Minh Lãm	Thành viên	Ngày 31 tháng 10 năm 2014	-
Ông Nguyễn Văn Kim (*)	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2013	Ngày 19 tháng 8 năm 2015
Ông Đoàn Minh Thư (*)	Thành viên	Ngày 19 tháng 8 năm 2015	-
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên	Ngày 11 tháng 4 năm 2012	-

(*) Ngày 19 tháng 8 năm 2015, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT về việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012 – 2016. Theo Nghị quyết này, Hội đồng quản trị đã thống nhất đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Văn Kim và bổ nhiệm Ông Đoàn Minh Thư thay thế cho Ông Nguyễn Văn Kim tham gia thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2012 – 2016. Việc từ nhiệm và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị này sẽ được xem xét thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm lại	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Hữu Hiệp	Trưởng ban	Ngày 24 tháng 4 năm 2013	-
Ông Lê Minh Việt	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2013	-
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2015	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Thanh Hùng	Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 10 năm 2014	-
Ông Nguyễn Văn Hồ	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 11 tháng 3 năm 2010	-
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 13 tháng 02 năm 2014	-
Ông Phan Ngọc Bình	Kế toán trưởng	Ngày 29 tháng 12 năm 2006	-

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Thanh Hùng – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và đo đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *ky*



Trần Thanh Hùng
Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 084CT/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 15 tháng 7 năm 2015, từ trang 08 đến trang 52 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét vào ngày 09 tháng 8 năm 2014 trong đó có đề cập đến vấn đề sau: Công ty được yêu cầu phải nộp và đã tạm nộp thêm một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 31.347.563.097 VND cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và 31/12/2008 theo Quyết định số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 và Quyết định số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 979/QĐ-TCCT ngày 13/7/2011 của Tổng cục thuế.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 24 tháng 3 năm 2015 có dạng ý kiến ngoại trừ. Các ngoại trừ liên quan đến Công ty được yêu cầu phải nộp và đã tạm nộp thêm một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 31.347.563.097 VND như đã nêu trên. Tuy nhiên, Công ty không chấp nhận số thuế phải nộp này và đã tiến hành gửi đơn kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để xác định lại số thuế TNDN phải nộp. Theo bản án sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 24/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định hủy số thuế TNDN truy thu năm 2007 và 2008 theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 và Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long. Không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, vụ kiện chưa được hoàn tất nên Công ty vẫn đang ghi nhận khoản thuế TNDN tạm nộp như một khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán. Đồng thời, Báo cáo kiểm toán năm trước cũng nêu ý kiến ngoại trừ về khoản trích lập dự phòng giám giá các khoản đầu tư tài chính của Công ty cổ phần nông nghiệp Tam Nông và Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Vĩnh Long vì không đủ bằng chứng kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty kiểm toán khác đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như đã trình bày ở trên. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề này đến số đầu năm của các khoản mục Phải thu ngắn hạn khác cũng như các khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ rằng:

Như đã trình bày ở phần thuyết minh số XIII.7, kỳ kế toán giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty tiếp tục bị lỗ 69.161.011.752 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 157.558.938.087 VND. Đồng thời, tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn của Công ty là 106.951.644.648 VND và vốn chủ sở hữu của Công ty bị âm 677.718.007 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Minh Trí - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2013-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		203.314.322.450	146.855.535.514
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.833.556.468	10.136.755.309
1. Tiền	111		12.393.556.468	9.286.755.309
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.440.000.000	850.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.472.100	1.472.100
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	11.250.882	11.250.882
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(9.778.782)	(9.778.782)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114.358.547.813	126.806.261.830
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	140.266.054.690	131.922.758.323
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.139.595.890	6.131.652.873
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	34.362.820.964	34.668.495.831
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(65.409.923.731)	(45.916.645.197)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		72.351.019.352	9.053.602.703
1. Hàng tồn kho	141	V.7	72.351.019.352	9.053.602.703
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		769.726.717	857.443.572
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	158.710.000	398.993.579
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		611.016.717	452.933.554
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	5.516.439
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.863.533.884	199.216.192.196
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		77.084.675.105	167.469.491.375
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	57.971.204.271	126.131.631.354
- Nguyên giá	222		123.038.812.954	200.924.058.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.067.608.683)	(74.792.426.897)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	19.113.470.834	41.337.860.021
- Nguyên giá	228		19.427.190.175	42.411.190.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(313.719.341)	(1.073.330.838)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		23.671.742.965	23.826.684.529
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	9.470.000.000	9.470.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	5.250.000.000	5.250.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	11.500.000.000	11.500.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(2.548.257.035)	(2.393.315.471)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.107.115.814	7.920.016.292
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	859.024.591	1.644.642.603
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	6.248.091.223	6.275.373.689
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		311.177.856.334	346.071.727.710

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		311.855.574.341	277.496.433.965
I. Nợ ngắn hạn	310		310.265.967.098	235.538.378.514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4.216.608.236	10.282.458
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.483.036.960	681.637.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.967.855.974	43.587.246
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.350.785.925	2.892.972.885
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.205.125.088	281.788.121
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	465.860.809	417.516.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	289.527.162.102	231.161.062.300
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	49.532.004	49.532.004
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.589.607.243	41.958.055.451
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	-	40.244.437.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20	1.589.607.243	1.713.618.451
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ-TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(677.718.007)	68.575.293.745
I. Vốn chủ sở hữu	410		(677.718.007)	68.575.293.745
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a,b,c	119.599.820.000	119.599.820.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.599.820.000	119.599.820.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21a	37.281.400.080	37.281.400.080
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	(157.558.938.087)	(88.305.926.335)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(88.305.926.335)	(88.305.926.335)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(69.253.011.752)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		311.177.856.334	346.071.727.710

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2015



Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu



Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng




Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	128.718.329.850	634.979.353.991
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		128.718.329.850	634.979.353.991
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	122.509.449.532	608.207.320.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.208.880.318	26.772.033.178
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.881.724.545	22.811.764.478
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.940.798.320	23.372.011.396
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.624.555.238	16.736.385.581
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.531.921.666	19.483.521.613
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	30.319.352.308	17.142.312.018
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(42.701.467.431)	(10.414.047.371)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.423.111.415	17.548.831.690
12. Chi phí khác	32	VI.8	28.855.373.270	2.164.693.940
13. Lợi nhuận khác	40		(26.432.261.855)	15.384.137.750
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(69.133.729.286)	4.970.090.379
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	2.760.344.812
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	27.282.466	(1.724.945.091)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(69.161.011.752)</u>	<u>3.934.690.658</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-



Vĩnh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2015

Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu

Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng

Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(69.133.729.286)	4.970.090.379
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9;V.10	6.747.279.581	7.919.166.914
- Các khoản dự phòng	03		19.524.208.890	1.747.127.344
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	398.383.495	5.051.573.755
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;VI.8	23.800.369.088	(22.087.291.961)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	12.624.555.238	16.736.385.581
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.038.932.994)	14.337.052.012
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.120.610.675)	(55.826.492.386)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(63.297.416.649)	14.784.164.351
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		14.438.151.815	3.446.539.306
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.025.901.591	953.739.248
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.701.218.271)	(16.892.832.698)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.760.344.812)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	690.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(92.000.000)	(106.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(71.786.125.183)	(42.063.804.979)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(391.267.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		57.039.504.546	15.033.534.539
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(332.780.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.797.663.055	5.108.287.555
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		59.837.167.601	(313.029.445.451)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	197.101.041.326	965.344.365.836
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(179.455.876.680)	(777.633.489.399)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(9.520.769.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>17.645.164.646</i></u>	<u><i>178.190.106.837</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.696.207.064	(176.903.143.593)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.136.755.309	265.976.631.723
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		594.095	1.149.066
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>15.833.556.468</u>	<u>89.074.637.196</u>

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2015

Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu

Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng



Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn tổng hợp; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Đơn vị đã thực hiện việc chuyển nhượng nhà máy Domyfeed. Hoạt động chuyển nhượng này đã làm cho Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty bị lỗ 26.861.587.713 VND.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH lương thực Kiên Nông có trụ sở chính tại tổ 5, ấp Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là kinh doanh lương thực, thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 60%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long có trụ sở chính tại 26 đường 3/2, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh theo hệ thống chuỗi siêu thị. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 26,25%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có

Các đơn vị trực thuộc của Công ty đều hạch toán báo sổ.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 154 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 175 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 39 - 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

S. 199
HI N
NG T
TOÁN
A 8
N CẢ
NG-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	235.078.530	153.413.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.158.477.938	8.421.681.809
Tiền đang chuyển	-	711.660.000
Các khoản tương đương tiền	3.440.000.000	850.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>3.440.000.000</u>	<u>850.000.000</u>
Cộng	<u>15.833.556.468</u>	<u>10.136.755.309</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt</i>	<i>11.250.882</i>	<i>1.472.100</i>	<i>(9.778.782)</i>	<i>11.250.882</i>	<i>1.472.100</i>	<i>(9.778.782)</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	8.162.500	816.000	(7.346.500)	8.162.500	816.000	(7.346.500)
Cộng	<u>11.250.882</u>	<u>1.472.100</u>	<u>(9.778.782)</u>	<u>11.250.882</u>	<u>1.472.100</u>	<u>(9.778.782)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	9.778.782	9.778.782
Số cuối kỳ	<u>9.778.782</u>	<u>9.778.782</u>

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<i>Đầu tư vào công ty con Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông⁽ⁱ⁾</i>	<i>9.470.000.000</i>	<i>(1.347.508.496)</i>	<i>8.122.491.504</i>	<i>9.470.000.000</i>	<i>(1.183.675.469)</i>	<i>8.286.324.531</i>
Đầu tư vào công ty liên kết Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn-Vĩnh Long⁽ⁱⁱ⁾	5.250.000.000	-	5.250.000.000	5.250.000.000	-	5.250.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.500.000.000	(1.200.748.539)	10.299.251.461	11.500.000.000	(1.209.640.002)	10.290.359.998
Công ty cổ phần bia Sài Gòn-Vĩnh Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn-Ninh Chữ ^(iv)	5.000.000.000	(928.694.425)	4.071.305.575	5.000.000.000	(937.585.888)	4.062.414.112
Công ty cổ phần nông nghiệp Tam Nông ^(v)	5.000.000.000	(272.054.114)	4.727.945.886	5.000.000.000	(272.054.114)	4.727.945.886
Cộng	26.220.000.000	(2.548.257.035)	23.671.742.965	26.220.000.000	(2.393.315.471)	23.826.684.529

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452768 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 15 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Kiên Nông 48.000.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 9.470.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ (số đầu năm là 9.470.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Kiên Nông là 38.530.000.000 VND.

^(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500412758 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 3 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long 5.250.000.000 VND, tương đương 26,25% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 5.250.000.000 VND, tương đương 26,25% vốn điều lệ (số đầu năm là 5.250.000.000 VND, tương đương 26,25% vốn điều lệ).

^(v) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 150.000 cổ phiếu, tương đương 1% vốn điều lệ của Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Vĩnh Long (số đầu năm là 150.000 cổ phiếu, tương đương 1% vốn điều lệ).

^(vi) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 500.000 cổ phiếu, tương đương 5,72% vốn điều lệ của Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ (số đầu năm là 500.000 cổ phiếu, tương đương 5,72% vốn điều lệ).

^(vii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 500.000 cổ phiếu, tương đương 1% vốn điều lệ của Công ty cổ phần nông nghiệp Tam Nông (số đầu năm là 500.000 cổ phiếu, tương đương 1% vốn điều lệ).

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH lương thực Kiên Nông hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(2.393.315.471)	(2.110.260.449)
Trích lập dự phòng bổ sung	(154.941.564)	(77.012.026)
Số cuối kỳ	<u>(2.548.257.035)</u>	<u>(2.187.272.475)</u>

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch nhận lợi nhuận từ Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long là công ty liên kết với số tiền là 2.600.000.000 đồng (cùng kỳ năm trước là 701.662.500 đồng).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>116.025.986.887</u>	<u>106.486.862.569</u>
Công ty cổ phần Docimexco	105.665.064.251	105.665.064.251
Công ty TNHH MTV – Tổng công ty lương thực Miền Nam	10.360.922.636	821.798.318
Phải thu các khách hàng khác	<u>24.240.067.803</u>	<u>25.435.895.754</u>
Các khách hàng khác	24.240.067.803	25.435.895.754
Cộng	<u>140.266.054.690</u>	<u>131.922.758.323</u>

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30/6/2015 có giá trị 105.665.064.251 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long và một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30/6/2015 có giá trị 19.489.157.084 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán khác	<u>5.139.595.890</u>	<u>6.131.652.873</u>
Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hưng	5.009.287.000	6.050.000.000
Các nhà cung cấp khác	130.308.890	81.652.873
Cộng	<u>5.139.595.890</u>	<u>6.131.652.873</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các tổ chức và cá nhân				
- Cục thuế Vĩnh Long – thuế TNDN bị truy thu (*)	31.347.563.097	-	31.347.563.097	-
- Tạm ứng nhân viên	372.068.961	-	201.347.282	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.643.188.906	(51.947.714)	3.119.585.452	-
Cộng	<u>34.362.820.964</u>	<u>(51.947.714)</u>	<u>34.668.495.831</u>	-

(*) Công ty được yêu cầu phải nộp và đã tạm nộp thêm một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 31.347.563.097 VND cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 và 31/12/2008 theo Quyết định số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 và Quyết định số 46/QĐ-CT ngày 28/01/2011 của

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cục thuế tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 979/QĐ-TCCT ngày 13/7/2011 của Tổng cục thuế. Tuy nhiên, Công ty không chấp nhận số thuế phải nộp này và đã tiến hành gửi đơn kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để xác định lại số thuế TNDN phải nộp. Theo bản án sơ thẩm số 07/2013/HCST ngày 24/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định hủy số thuế TNDN truy thu năm 2007 và 2008 theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-CT ngày 28/11/2011 và Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long. Không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tối cao. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, vụ kiện chưa được hoàn tất nên Công ty vẫn đang ghi nhận khoản thuế TNDN tạm nộp như một khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Các bên liên quan				
<i>Công ty cổ phần Docimexco⁽¹⁾</i>				
<i>Dưới 01 năm</i>		-	<i>Dưới 01 năm</i>	95.332.624.679
<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	90.155.920.600	45.077.960.300	<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	-
<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	5.176.704.079	1.553.011.223	<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	-
Các tổ chức và cá nhân khác				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
<i>Dưới 01 năm</i>	1.895.649.149	1.326.954.404	<i>Dưới 01 năm</i>	12.377.730.738
<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	16.100.676.133	8.050.338.066	<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	16.266.424.655
<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	7.705.442.557	2.311.632.766	<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	-
<i>Trên 03 năm</i>	2.695.427.972	-	<i>Trên 03 năm</i>	-
Cộng	123.729.820.490	58.319.896.759	126.347.374.444	80.430.729.247

⁽¹⁾ Khoản phải thu Công ty cổ phần Docimexco ngoài khoản tiền gốc 95.332.624.679 VND còn phải thu, thì còn khoản tiền phải thu về lãi chậm trả là 10.332.439.572 VND. Do đó, tổng số tiền còn phải thu của Công ty cổ phần Docimexco trên sổ sách kế toán của Công ty là 105.665.064.251 VND.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn
Số đầu năm	(45.916.645.197)
Trích lập dự phòng bổ sung	(19.493.278.534)
Số cuối kỳ	(65.409.923.731)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	860.101.839	-	813.070.758	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	690.686.444	-	634.242.690	-
Thành phẩm	4.120.460.073	-	5.677.983.092	-
Hàng hóa	62.649.370.996	-	1.928.306.163	-
Hàng gửi đi bán	4.030.400.000	-	-	-
Cộng	72.351.019.352	-	9.053.602.703	-

Một số hàng hóa tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 18.099.555.575 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh An Giang.

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	158.710.000	87.138.023
Chi phí lãi vay trả trước ngân hàng	-	311.855.556
Cộng	158.710.000	398.993.579

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	308.743.972	508.324.533
Chi phí thuê đất	176.250.002	195.833.335
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	292.424.994	894.301.180
Các chi phí trả trước dài hạn khác	81.605.623	46.183.555
Cộng	859.024.591	1.644.642.603

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	98.705.752.711	94.624.055.505	7.201.440.866	392.809.169	200.924.058.251
Thanh lý, nhượng bán	(39.090.148.178)	(37.121.800.250)	(1.673.296.869)	-	(77.885.245.297)
Số cuối kỳ	59.615.604.533	57.502.255.255	5.528.143.997	392.809.169	123.038.812.954
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.028.000.989	5.438.557.274	1.317.653.174	301.417.940	11.085.629.377
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	28.691.150.679	42.247.427.014	3.476.207.226	377.641.978	74.792.426.897
Khấu hao trong kỳ	2.197.452.787	4.009.935.529	336.379.753	5.711.952	6.549.480.021

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Thanh lý, nhượng bán	(4.504.030.598)	(11.199.841.800)	(570.425.837)	-	(16.274.298.235)
Số cuối kỳ	26.384.572.868	35.057.520.743	3.242.161.142	383.353.930	65.067.608.683
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	70.014.602.032	52.376.628.491	3.725.233.640	15.167.191	126.131.631.354
Số cuối kỳ	33.231.031.665	22.444.734.512	2.285.982.855	9.455.239	57.971.204.271

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 30/6/2015 là 36.558.873.732 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	42.318.628.859	92.562.000	42.411.190.859
Thanh lý, nhượng bán	(22.984.000.684)	-	(22.984.000.684)
Số cuối kỳ	19.334.628.175	92.562.000	19.427.190.175
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	92.562.000	92.562.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	980.768.838	92.562.000	1.073.330.838
Khấu hao trong kỳ	197.799.560	-	197.799.560
Thanh lý, nhượng bán	(957.411.057)	-	(957.411.057)
Số cuối kỳ	221.157.341	92.562.000	313.719.341
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	41.337.860.021	-	41.337.860.021
Số cuối kỳ	19.113.470.834	-	19.113.470.834

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 30/6/2015 là 13.133.158.459 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong kỳ	Số cuối kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	376.996.059	(27.282.466)	-	349.713.593
Trợ cấp thôi việc	376.996.059	(27.282.466)	-	349.713.593

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ</u>	<u>Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế chưa sử dụng	5.898.377.630	-	-	5.898.377.630
Cộng	6.275.373.689	(27.282.466)	-	6.248.091.223

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 22% (năm trước thuế suất là 22%).

11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2015 với số tiền là 146.847.149.330 VND.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	4.030.400.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty lương thực Miền Nam - Thốt Nốt	4.030.400.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	186.208.236	10.282.458
Các nhà cung cấp khác	186.208.236	10.282.458
Cộng	4.216.608.236	10.282.458

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các khách hàng khác	7.483.036.960	681.637.500
Lê Thị Thanh Thúy	3.000.000.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân	1.795.240.000	-
Công ty TNHH nông sản Thiên Long	2.025.000.000	-
Các khách hàng khác	662.796.960	681.637.500
Cộng	7.483.036.960	681.637.500

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	30.283.626	3.574.727.666	(638.461.093)	2.966.550.199
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.303.620	93.836.098	(105.833.943)	1.305.775
Thuế nhà đất	(2.521.044)	46.460.030	(43.938.986)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuế đất	-	176.656.236	(176.656.236)	-
Các loại thuế khác	-	14.000.000	(14.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.660.130	(4.660.130)	-
Cộng	41.066.202	3.910.340.160	(983.550.388)	2.967.855.974

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu	0%
- Gạo, tấm	5%
- Kinh doanh các mặt hàng siêu thị, thanh lý tài sản	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(69.133.729.286)	4.970.090.379
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	464.813.548	1.793.828.971
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.952.133.369)	(2.087.053.119)
Thu nhập chịu thuế	(71.621.049.107)	4.676.866.231
Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh chính	(44.759.461.394)	(7.870.155.643)
Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản	(26.861.587.713)	12.547.021.874
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(71.621.049.107)	12.547.021.874
Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh chính	(44.759.461.394)	(7.870.155.643)
Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản	(26.861.587.713)	12.547.021.874
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	2.760.344.812
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	2.760.344.812

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuế đất

Công ty phải nộp tiền thuế đất đối với diện tích 18.301,5 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long và 7.125 m² tại thành phố Cần Thơ với mức tiền thuế theo thông báo nộp tiền thuế đất hàng năm của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.205.125.088</i>	<i>281.788.121</i>
Chi phí lãi vay phải trả	2.205.125.088	281.788.121
Cộng	2.205.125.088	281.788.121

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>465.860.809</i>	<i>417.516.000</i>
Cổ tức phải trả	369.516.000	369.516.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	96.344.809	48.000.000
Cộng	465.860.809	417.516.000

18. Vay và nợ thuế tài chính

18a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	289.527.162.102	225.161.062.300
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	55.530.000.000	55.630.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾	160.123.848.000	93.093.756.900

300
CH
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập
Tự do
Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh An Giang⁽ⁱⁱ⁾</i>	50.600.000.000	53.900.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long - CN Vĩnh Long^(iv)</i>	5.000.000.000	4.660.000.000
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang^(v)</i>	18.273.314.102	17.877.305.400
Vay dài hạn đến hạn trả	-	6.000.000.000
Cộng	289.527.162.102	231.161.062.300

Công ty chưa đánh giá được khả năng thanh toán các khoản nợ vay của các ngân hàng.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7%, thời hạn vay 04 - 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay từ 02 - 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng (xem thuyết minh số V.3).
- (iiii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh V.9 và V.10).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.10) và thế chấp khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng (xem thuyết minh số V.3).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	225.161.062.300	197.101.041.326	476.498.156	(133.211.439.680)	289.527.162.102
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	-	-	(6.000.000.000)	-
Cộng	231.161.062.300	197.101.041.326	476.498.156	(139.211.439.680)	289.527.162.102

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>	-	-	40.244.437.000	40.244.437.000
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	40.244.437.000	40.244.437.000
<i>Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vĩnh Long^(*)</i>	-	-	40.244.437.000	40.244.437.000
Cộng	-	-	40.244.437.000	40.244.437.000

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	40.244.437.000
Số tiền vay đã trả	(40.373.935.000)
Chênh lệch tỷ giá khi thanh toán nợ vay	129.498.000
Số cuối kỳ	-

18c. Vay và nợ thuê tài chính chưa thanh toán

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Vay	175.073.314.102	1.756.682.209	176.829.996.311	129.875.499.300	164.303.677	130.039.802.977
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang^(*)</i>	18.273.314.102	12.182.209	18.285.496.311	17.877.305.400	13.904.371	17.891.209.771
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long^(*)</i>	72.150.000.000	1.322.750.000	73.472.750.000	93.093.756.900	123.932.818	93.217.689.718
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Vĩnh Long^(*)</i>	-	-	-	4.660.000.000	9.320.000	4.669.320.000
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vĩnh Long^(*)</i>	-	-	-	14.244.437.000	17.146.288	14.261.583.288
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh An Giang^(**)</i>	42.400.000.000	90.100.000	42.490.100.000	-	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long^(*)</i>	42.250.000.000	331.650.000	42.581.650.000	-	-	-
Cộng	175.073.314.102	1.756.682.209	176.829.996.311	129.875.499.300	164.303.677	130.039.802.977

^(*) Khoản vay này đã được gia hạn nợ.^(**) Khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	690.000	690.000
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	48.842.004	48.842.004
Cộng	<u>49.532.004</u>	<u>49.532.004</u>

20. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trợ cấp thôi việc còn phải trả	1.589.607.243	1.713.618.451
Cộng	<u>1.589.607.243</u>	<u>1.713.618.451</u>

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	119.599.820.000	32.013.194.783	5.268.205.297	(22.587.360.002)	134.293.860.078
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	3.934.690.658	3.934.690.658
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>119.599.820.000</u>	<u>32.013.194.783</u>	<u>5.268.205.297</u>	<u>(18.928.669.344)</u>	<u>137.952.550.736</u>
Số dư đầu năm nay	119.599.820.000	37.281.400.080	-	(88.305.926.335)	68.575.293.745
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(69.161.011.752)	(69.161.011.752)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(92.000.000)	(92.000.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>119.599.820.000</u>	<u>37.281.400.080</u>	<u>-</u>	<u>(157.558.938.087)</u>	<u>(677.718.007)</u>

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty lương thực Miền Nam	47.840.000.000	47.840.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nguyễn Kim	27.928.640.000	27.928.640.000
Các cổ đông khác	43.831.180.000	43.831.180.000
Cộng	<u>119.599.820.000</u>	<u>119.599.820.000</u>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Tổng công ty lương thực Miền Nam	47.840.000.000	40,00	47.840.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nguyễn Kim	27.928.640.000	23,35	27.928.640.000	-
Các cổ đông khác	43.831.180.000	36,65	43.831.180.000	-
Cộng	<u>119.599.820.000</u>	<u>100,00</u>	<u>119.599.820.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.959.982	11.959.982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.959.982	11.959.982
- Cổ phiếu phổ thông	11.959.982	11.959.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.959.982	11.959.982
- Cổ phiếu phổ thông	11.959.982	11.959.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**22a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	373.905.589	384.451.639
Trên 1 năm đến 5 năm	1.495.622.356	1.537.806.554
Trên 5 năm	11.471.345.331	11.889.610.071
Cộng	13.340.873.276	13.811.868.264

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên là tổng số tiền thuê 18.301,5 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long và 7.125 m² tại thành phố Cần Thơ với mức tiền thuê theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của cơ quan thuế.

22b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	17.724,41	28.608,39

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	122.911.205.629	630.049.470.866
Doanh thu bán thành phẩm	4.760.023.011	4.859.256.863
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.047.101.210	70.626.262
Cộng	128.718.329.850	634.979.353.991

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV – Tổng công ty lương thực Miền Nam		
<i>Doanh thu xuất khẩu ủy thác gạo</i>	20.936.043.845	69.249.184.628
Công ty lương thực thực phẩm An Giang		
<i>Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)</i>	101.503.600	-
Công ty lương thực Sóc Trăng		
<i>Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)</i>	71.194.200	-
Công ty lương thực Bến Tre		
<i>Doanh thu bán hàng hóa (gạo, nếp)</i>	16.143.995.000	11.558.538.000
Công ty lương thực Long An		
<i>Doanh thu bán hàng hóa (nếp)</i>	-	9.500.000.000
Công ty lương thực Bạc Liêu		
<i>Doanh thu bán hàng hóa (gạo)</i>	-	4.028.622.500
Công ty lương thực Đồng Tháp		
<i>Doanh thu bán hàng hóa (tầm)</i>	-	17.151.267.500
Công ty lương thực Trà Vinh		
<i>Doanh thu bán thành phẩm (Mang trắng)</i>	-	39.726.000
Công ty lương thực Vĩnh Long		
<i>Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)</i>	101.604.800	46.230.000
Công ty lương thực Sông Hậu		
<i>Doanh thu bán hàng hóa (gạo)</i>	-	4.859.700.000
Công ty TNHH MTV lương thực TP.Hồ Chí Minh		
<i>Doanh thu bán hàng hóa (tầm)</i>	-	261.000.000
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau		
<i>Doanh thu bán thành phẩm (bao bì)</i>	-	54.332.500

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	117.856.969.854	534.295.478.009
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.652.479.678	73.911.842.804
Cộng	122.509.449.532	608.207.320.813

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	47.655.555	8.404.396.128
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	40.246.118	56.071.308
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.750.007.500	701.663.400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	878.815.372	6.503.415.448
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	165.000.000	7.146.218.194
Cộng	3.881.724.545	22.811.764.478

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12.624.555.238	16.736.385.581
Chiết khấu thanh toán cho người mua	-	80.004.558
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	717.255.960	1.823.464.781
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	398.383.495	5.051.573.755
Dự phòng (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	154.941.564	(319.788.774)
Chi phí tài chính khác	45.662.063	371.495
Cộng	13.940.798.320	23.372.011.396

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	149.933.600
Chi phí vật liệu bao bì	229.960.005	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	117.819.215	704.422.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.357.902.092	4.353.293.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.683.672.217	13.639.950.664
Các chi phí khác	142.568.137	635.920.938
Cộng	8.531.921.666	19.483.521.613

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.127.429.447	6.967.266.311
Chi phí vật liệu quản lý	129.094.347	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	74.590.453	450.877.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	975.045.949	1.205.866.914
Thuế, phí và lệ phí	302.228.825	391.046.656
Dự phòng phải thu khó đòi	19.493.278.534	5.027.010.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	786.417.668	1.517.633.468
Các chi phí khác	1.431.267.085	1.582.611.452
Cộng	30.319.352.308	17.142.312.018

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	15.033.534.539
Lãi từ thanh lý công cụ, dụng cụ	14.666.121	1.638.000
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	628.310.480
Thu tiền hỗ trợ lãi suất theo chủ trương của Chính phủ	1.675.522.000	1.878.106.000
Thu nhập khác	732.923.294	7.242.671
Cộng	2.423.111.415	17.548.831.690

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	26.598.032.143	2.108.373.414
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.323.814	3.061.795
Chi phí môi giới	560.000.000	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	990.000.000	-
Chi phí khác	704.017.313	53.258.731
Cộng	28.855.373.270	2.164.693.940

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.282.466	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(1.724.945.091)
Cộng	27.282.466	(1.724.945.091)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	150.991.190.855	665.850.190.549
Chi phí nhân công	7.629.200.750	9.585.322.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.747.279.581	7.919.166.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.825.594.443	20.419.127.565
Chi phí khác	21.290.298.124	9.225.720.363
Cộng	191.483.563.753	712.999.527.480

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền thu từ đi vay

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	197.101.041.326	965.344.365.836
Cộng	197.101.041.326	965.344.365.836

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	179.455.876.680	777.633.489.399
Cộng	179.455.876.680	777.633.489.399

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Công ty đã thực hiện vụ kiện Cục thuế tỉnh Vĩnh Long về khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu với số tiền 31.347.563.097 VND. Mặc dù, Tòa án tỉnh Vĩnh Long đã ra phán quyết Công ty thắng kiện nhưng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đã kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán này, vẫn chưa có phán quyết của Tòa án nhân dân tối cao về khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu này. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận khoản thuế bị truy thu này vào chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác. Nếu như Tòa án nhân dân tối cao ra phán quyết Công ty thắng kiện thì Công ty sẽ thu hồi lại tiền thuế bị truy thu này, trường hợp ngược lại Công ty phải ghi nhận khoản thuế bị truy thu này vào chi phí của Công ty.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	785.900.000	1.329.615.385
Phụ cấp	1.725.000	92.000.000
Cộng	787.625.000	1.421.615.385

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH lương thực Kiên nông	Công ty con
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long	Công ty liên kết
Tổng Công ty lương thực Miền Nam	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nguyễn Kim	Cổ đông lớn
Công ty lương thực thực phẩm An Giang	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Sóc Trăng	Công ty con của cổ đông lớn



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty lương thực Bến Tre	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Long An	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Bạc Liêu	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Đồng Tháp	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Trà Vinh	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Vĩnh Long	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty lương thực Sông Hậu	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV lương thực TP. Hồ Chí Minh	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty cổ phần Docimexco	Công ty con của cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty lương thực Miền Nam	21.103.855.246	69.877.645.779
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	<i>20.936.043.845</i>	<i>69.249.184.628</i>
<i>Phí ủy thác xuất khẩu</i>	<i>28.051.401</i>	<i>91.451.895</i>
<i>Phí giao nhận hàng hóa</i>	<i>139.760.000</i>	<i>537.009.256</i>
Công ty lương thực thực phẩm An Giang	101.503.600	-
<i>Doanh thu bán bao bì</i>	<i>101.503.600</i>	-
Công ty lương thực Sóc Trăng	71.194.200	-
<i>Doanh thu bán bao bì</i>	<i>71.194.200</i>	-
Công ty lương thực Bến Tre	16.143.995.000	11.558.538.000
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	<i>16.143.995.000</i>	<i>11.558.538.000</i>
Công ty lương thực Long An	-	9.500.000.000
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>9.500.000.000</i>
Công ty lương thực Bạc Liêu	-	4.028.622.500
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>4.028.622.500</i>
Công ty lương thực Đồng Tháp	-	17.151.267.500
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>17.151.267.500</i>
Công ty lương thực Trà Vinh	-	39.726.000
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>39.726.000</i>
Công ty lương thực Vĩnh Long	101.604.800	46.230.000
<i>Doanh thu bán hàng lương thực, bao bì</i>	<i>101.604.800</i>	<i>46.230.000</i>
Công ty lương thực Sông Hậu	64.256.000	4.889.506.920
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>4.859.700.000</i>
<i>Nhập mua bao PP</i>	<i>64.256.000</i>	-
<i>Phí giao nhận hàng hóa</i>	-	<i>29.806.920</i>
Công ty TNHH MTV lương thực TP. Hồ Chí Minh	-	261.000.000
<i>Doanh thu bán hàng lương thực</i>	-	<i>261.000.000</i>
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau	-	54.332.500
<i>Doanh thu bán bao bì</i>	-	<i>54.332.500</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh lương thực: gạo, tấm, cám.
- Lĩnh vực kinh doanh khác: bao bì các loại, kinh doanh mặt hàng tiêu dùng.

Ngoài ra Công ty cũng hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thức ăn thủy sản. Lĩnh vực kinh doanh này đã chấm dứt từ ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh lương thực	Lĩnh vực kinh doanh thức ăn thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	122.487.388.882	-	6.230.940.968	-	128.718.329.850
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.487.388.882	-	6.230.940.968	-	128.718.329.850
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.053.811.904	-	1.155.068.414	-	6.208.880.318
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(38.851.273.974)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(32.642.393.656)
Doanh thu hoạt động tài chính					3.881.724.545
Chi phí tài chính					(13.940.798.320)
Thu nhập khác					2.423.111.415
Chi phí khác					(28.855.373.270)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh lương thực	Lĩnh vực kinh doanh thực ăn thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(27.282.466)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(69.161.011.752)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	74.329.300	-	-	-	74.329.300
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.874.487.743	-	397.744.503	-	7.272.232.246
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	464.938.800	18.487.935.340	540.404.394	-	19.493.278.534
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	545.490.193.612	74.067.115.892	15.422.044.487	-	634.979.353.991
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	545.490.193.612	74.067.115.892	15.422.044.487	-	634.979.353.991
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.257.614.203	3.540.642.979	2.973.775.996	-	26.772.033.178
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(36.625.833.631)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(9.853.800.453)
Doanh thu hoạt động tài chính					22.811.764.478
Chi phí tài chính					(23.372.011.396)
Thu nhập khác					17.548.831.690
Chi phí khác					(2.164.693.940)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.760.344.812)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh lương thực	Lĩnh vực kinh doanh thức ăn thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					1.724.945.091
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					3.934.690.658
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	391.267.545	-	-	-	391.267.545
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:					
	Lĩnh vực kinh doanh lương thực	Lĩnh vực kinh doanh thức ăn thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	205.935.314.466	64.428.369.855	10.892.865.725	-	281.256.550.046
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					29.921.306.288
Tổng tài sản					311.177.856.334
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	310.216.435.094	-	-	-	310.216.435.094
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.639.139.247
Tổng nợ phải trả					311.855.574.341
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	125.094.946.404	150.357.250.938	9.702.029.207	-	285.154.226.549
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					60.917.501.161
Tổng tài sản					346.071.727.710
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	504.052.750	233.900.000	38.604.584	-	776.557.334
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh lương thực	Lĩnh vực kinh doanh thức ăn thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					276.719.876.631
Tổng nợ phải trả					277.496.433.965

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	128.718.329.850	352.705.030.311
Khu vực nước ngoài	-	282.274.323.680
Cộng	128.718.329.850	634.979.353.991

4. Số liệu so sánh

Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

5a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty cổ phần Docimexco với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm 75% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 80%), khoản công nợ này đang tiến hành thủ tục thưa kiện vì đã quá hạn thanh toán. Các khách hàng khác có số dư dưới 25% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.833.556.468	-	-	-	15.833.556.468
Chứng khoán kinh doanh	-	11.250.882	-	-	11.250.882
Phải thu khách hàng	21.794.989.136	-	-	118.471.065.554	140.266.054.690
Các khoản phải thu khác	-	-	-	173.159.046	173.159.046
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.500.000.000	10.000.000.000	-	-	11.500.000.000
Cộng	39.128.545.604	10.011.250.882	-	118.644.224.600	167.784.021.086
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.136.755.309	-	-	-	10.136.755.309
Chứng khoán kinh doanh	-	11.250.882	-	-	11.250.882
Phải thu khách hàng	10.088.586.982	-	-	121.834.171.341	131.922.758.323
Các khoản phải thu khác	173.159.046	-	-	-	173.159.046
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.500.000.000	10.000.000.000	-	-	11.500.000.000
Cộng	21.898.501.337	10.011.250.882	-	121.834.171.341	153.743.923.560

5b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	300.534.336.968	-	-	300.534.336.968
Phải trả người bán	4.216.608.236	-	-	4.216.608.236
Các khoản phải trả khác	2.639.141.088	-	1.589.607.243	4.228.748.331
Cộng	307.390.086.292	-	1.589.607.243	308.979.693.535

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Vay và nợ	231.161.062.300	40.244.437.000	-	271.405.499.300
Phải trả người bán	10.282.458	-	-	10.282.458
Các khoản phải trả khác	699.304.121		1.713.618.451	2.412.922.572
Cộng	231.870.648.879	40.244.437.000	1.713.618.451	273.828.704.330

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Tuy nhiên, Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

5c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.724,41	28.608,39
Phải thu khách hàng	475.708,11	38.457,50
Vay và nợ	(1.816.598,70)	(2.389.700,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(1.323.166,18)	(2.322.634,11)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 577.958.987 VND (năm trước giảm/tăng 992.647.366 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.440.000.000	-	850.000.000	
Vay và nợ	(249.848.464.000)	(1.816.598,70)	(204.584.437.000)	(2.389.700,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(246.408.464.000)	(1.816.598,70)	(203.734.437.000)	(2.389.700,00)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 4.928.169.280 VND (năm trước giảm/tăng 4.074.688.740 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 396.745.156 VND (năm trước giảm/tăng 510.654.993 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 1.472.100 VND (số đầu năm là 1.472.100 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long và Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (xem thuyết minh số V.3). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 125.154.221.335 VND (số đầu năm là 126.884.221.335 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2015.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.833.556.468	10.136.755.309	15.833.556.468	10.136.755.309
Chứng khoán kinh doanh	11.250.882	11.250.882	1.472.100	1.472.100
Phải thu khách hàng	140.266.054.690	131.922.758.323	78.473.499.018	89.083.076.793
Các khoản phải thu khác	173.159.046	173.159.046	121.211.332	173.159.046
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.500.000.000	11.500.000.000	10.299.251.461	10.290.359.998
Cộng	167.784.021.086	153.743.923.560	104.728.990.379	109.684.823.246
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	289.527.162.102	271.405.499.300	289.527.162.102	271.405.499.300
Phải trả người bán	4.216.608.236	10.282.458	4.216.608.236	10.282.458
Các khoản phải trả khác	4.228.748.331	2.412.922.572	4.228.748.331	2.412.922.572
Cộng	297.972.518.669	273.828.704.330	297.972.518.669	273.828.704.330

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 Công ty tiếp tục bị lỗ 69.161.011.752 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 157.558.938.087 VND. Đồng thời, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 106.951.644.648 VND và vốn chủ sở hữu của Công ty bị âm 677.718.007 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty đã làm việc với các ngân hàng để gia hạn các khoản nợ vay và các cổ đông cùng các bên có liên quan của Công ty cũng cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách không yêu cầu Công ty hoàn trả tiền nợ mua nguyên vật liệu và hàng hóa cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2015

Phạm Thị Cẩm Nhung
Người lập biểu

Phan Ngọc Bình
Kế toán trưởng



Trần Thanh Hùng
Tổng Giám đốc